

## BI KỊCH NHÂN VẬT TRONG TIỂU THUYẾT *SÓNG Ở ĐÁY SÔNG* CỦA LÊ LỰU

Phan Văn Tiến\*, Nguyễn Thị Tuyết Nghi, La Thị Mỹ Hạnh và Phan Mộng Giúp  
*Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Tây Đô*  
(\*Email: phanvantien1984@gmail.com)

**Ngày nhận:** 11/6/2020

**Ngày phản biện:** 11/8/2020

**Ngày duyệt đăng:** 21/9/2020

### TÓM TẮT

*Bi kịch là sự xung đột giữa cái đẹp và cái xấu, giữa khát vọng con người với cuộc sống không thể thay đổi, không đáp ứng được, là sự dằn vặt về tinh thần mà khó có thể giải thoát được. Bi kịch nhân vật diễn ra trong một tình huống cực kì căng thẳng mà nhân vật phát triển theo chiều hướng khác nhau. Trong tiểu thuyết *Sóng ở đáy sông*, nhà văn Lê Lưu miêu tả nhân vật với những gian khổ, thiếu thốn lẫn mất mát trong cuộc sống gia đình, về cuộc sống mưu sinh cũng như về tình yêu đôi lứa mà nhân vật phải nếm trải. Đó là câu chuyện dài về cuộc đời đau thương của nhân vật Núi, một con người giàu ý chí vươn lên nhưng không ngừng vấp phải những ngang trái của tình người và trói buộc của những hủ tục, khiến cuộc đời anh rơi vào cảnh bế tắc, bi đát. Qua câu chuyện giàu tình tiết, nhà văn Lê Lưu đã gửi đi một thông điệp đầy tinh thần nhân đạo về ý nghĩa của tình yêu và vai trò của gia đình đối với việc hình thành nhân cách và quyết định hạnh phúc của con người.*

**Từ khóa:** *Bi kịch nhân vật, tiểu thuyết *Sóng Ở Đáy Sông**

---

Trích dẫn: Phan Văn Tiến, Nguyễn Thị Tuyết Nghi và La Thị Mỹ Hạnh, 2020. Bi kịch nhân vật trong tiểu thuyết *Sóng Ở Đáy Sông* của Lê Lưu. Tạp chí Nghiên cứu khoa học và Phát triển kinh tế Trường Đại học Tây Đô. 09: 205-220.

\*Ths. Phan Văn Tiến – Giảng viên Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Tây Đô

## 1. GIỚI THIỆU

Bi kịch được xem là sự đối thoại với hài kịch, nó phản ánh không phải bằng sự tự sự mà bằng hành động của nhân vật chính, mối quan hệ không thể điều hòa giữa cái thiện và cái ác, cái cao cả và cái thấp hèn. Ta cần phân biệt rõ ràng giữa bi kịch và nỗi đau thương mất mát. Bi kịch thường gắn liền với đau thương, mất mát nhưng không phải mọi đau thương, mất mát đều là bi kịch. Nó diễn ra trong một tình huống cực kì căng thẳng mà nhân vật thường chỉ thoát ra khỏi nó bằng cái chết bi thảm và gây nên những suy tư và xúc động mạnh mẽ đối với công chúng. Theo Aristotle, “*bi kịch là những sự bất chước hành động hệ trọng và trọn vẹn nhằm dùng hành động chứ không phải bằng kể chuyện, bằng cách gây nỗi xót thương và nỗi sợ hãi để thực hiện sự thanh lọc những nỗi xúc động tương tự*” (Lê Bá Hán, 1997).

Nhà văn Lê Lựu là một trong những cây bút tiêu biểu của nền văn học Việt Nam sau 1975, với những tác phẩm làm thay đổi cách suy nghĩ, cách nhìn, cách đánh giá của con người về cuộc sống. Lê Lựu là một trong những người đi tiên phong trong phong trào đổi mới văn chương. Nhà văn chính là người đã vẽ ra cho các thế hệ văn sĩ phía sau ông những hướng đi cho sự phát triển của tiểu thuyết nói chung và các thể loại khác nói riêng. Những sáng tác của ông giàu giá trị nhân văn và có tầm ảnh hưởng lớn trên văn đàn như: *Người cầm súng* (truyện ngắn - 1970), *Phía mặt trời* (truyện ngắn - 1972), *Campuchia một câu hỏi lớn* (truyện ngắn - 1979), *Mặt trận của*

*người lính* (truyện ngắn - 1968), *Đông bằng chiến sĩ* (truyện ký, 1980), *Mở rừng* (tiểu thuyết - 1977), *Ranh giới* (tiểu thuyết - 1977), *Thời xa vắng* (tiểu thuyết - 1986), *Đại tá không biết đùa* (tiểu thuyết - 1990), *Chuyện làng Cuội* (tiểu thuyết - 1993), *Sóng ở đáy sông* (tiểu thuyết - 1994), *Hai nhà* (tiểu thuyết - 2000), *Một thời lắm lỗi* (bút kí - 1988), *Trở lại nước Mỹ* (bút kí - 1989),... Đặc biệt, tiểu thuyết *Sóng ở đáy sông* được nhà văn Lê Lựu sáng tác vào năm 1994. Đây là tiểu thuyết được ông viết theo đơn đặt hàng của nhà xuất bản Hải Phòng. Nó không chỉ là nơi ông trưởng thành nghề văn mà trong những năm 90 của thế kỉ XX, Lê Lựu là một nhà văn có những mối quan hệ rộng rãi với những người lãnh đạo thành phố. Ông được tạo mọi điều kiện để có cơ hội sống và thâm nhập sâu hơn vào đời sống của con người nơi đây. Từ đó, ông tích lũy được nhiều kinh nghiệm thực tiễn cho bản thân về con người cũng như vùng đất Cảng. Chính vì những hiểu biết sâu sắc ấy, cộng thêm ngòi bút sắc sảo của mình mà trong một lần gặp chánh phó giám đốc nhà xuất bản hai bên đã thỏa thuận: “*Lê Lựu viết cho nhà xuất bản Hải Phòng một cuốn tiểu thuyết, mà từ nhân vật đến cốt truyện đều xảy ra tại Hải Phòng*” (Nguyễn Bích Thu, 1996).

Tiểu thuyết *Sóng ở đáy sông*, một câu chuyện dài về cuộc đời đau thương của nhân vật Núi khi phải chịu nhiều thiệt thòi, bất hạnh từ lúc nhỏ cho đến khi trưởng thành mà vẫn không tìm thấy được sự bình yên và hạnh phúc. Nhà văn đã rất tinh tế trong việc miêu tả tình tiết

trong tác phẩm, nó luôn có sức hấp dẫn và thu hút người đọc. Tìm hiểu bi kịch nhân vật trong tiểu thuyết *Sóng ở đáy sông* của Lê Lựu, chúng ta sẽ có cách nhìn về bi kịch nhân vật trong văn học, về phong cách viết văn và quan niệm của nhà văn về cuộc sống.

## 2. NHỮNG BIỂU HIỆN VỀ BI KỊCH NHÂN VẬT TRONG TIỂU THUYẾT *SÓNG Ở ĐÁY SÔNG* CỦA LÊ LỰU

Bi kịch trong tiểu thuyết của Lê Lựu là những vấn đề hoàn toàn mới, được ông nhìn dưới những góc độ khác nhau từ những mối quan hệ bình thường trong cuộc sống. Nó là những nỗi đau khổ, bất hạnh của con người khi gặp bế tắc, là những bước ngoặt cuộc đời, bắt các nhân vật phải cam chịu chứ không thể làm khác được. Điều này được nhà văn Lê Lựu tái hiện sống động trong tiểu thuyết *Sóng ở đáy sông* qua: bi kịch nhân vật trong cuộc sống trong gia đình, trong cuộc sống mưu sinh, trong tình yêu đôi lứa.

### 2.1. Bi kịch nhân vật trong cuộc sống trong gia đình

Trong tiểu thuyết *Sóng ở đáy sông*, nhà văn Lê Lựu xây dựng nhân vật Núi có cuộc đời mang nhiều bi kịch trong cuộc sống gia đình. Anh sinh ra trong một gia đình với người cha có ba người vợ. Núi là con cả của bà hai nhưng mẹ anh sống trong nhà như một con ở chẳng có quyền hành gì: “*Hắn là thứ ba nhưng kẻ người sống thì hắn là con cả của bà hai. Mẹ hắn nguyện là người ở nên sống với bà cả vừa là em, vừa là con hầu*” (Lê Lựu, 1994). Bất hạnh đến nỗi

còn không rõ cha mình làm nghề gì mà chỉ nghe mọi người nói lại thôi: “*Hắn không biết cha mình làm gì, chỉ thấy nói ông làm bàn giấy ở trong Cảng từ hồi thời Pháp và khi ta tiếp quản ông vẫn là cán bộ bàn giấy ở đây*” (Lê Lựu, 1994). Tuy là cha con với nhau nhưng không khi nào được cha nói tới, ông luôn nghiêm ngặt với anh, vì thế tình cảm cha con cũng không được thân thiết cho lắm. Tuy mang danh là con bà hai trong một gia đình giàu sang có tiếng, thế nhưng so với các anh con bà lớn thì cuộc sống của mẹ con Núi với họ như hai tầng lớp đối nghịch. Trong khi con bà lớn được yêu thương đặt cho những cái tên hay họ ý nghĩa An, Nam, Quốc, Bình, Yên, Vạn, Sự, Như, Ý còn anh em Núi thì lại là những cái tên quê mùa, cục mịch Núi, Sông, Biển, Cả, Phồn. Trong khi con bà lớn được đủ đầy mọi mặt, ăn sung mặc sướng, sống với những điều kiện tốt nhất: “*Cha và các anh con mẹ cả ở tầng hai 2, mỗi người riêng một phòng*” (Lê Lựu, 1994), còn mẹ con Núi thì lại ở tầng dưới với nơi sinh hoạt thì chật chội, không được học hành, không được dạy dỗ và sống với nhiệm vụ duy nhất là phải hầu hạ sao cho những người tầng trên cảm thấy hài lòng, nếu không đừng mong sống yên trong cái gia đình ấy. Cùng là anh em, chảy chung một dòng máu nhưng mọi tủi cực, thiệt thòi chỉ riêng anh em Núi gánh chịu, phải phục vụ người thân như kẻ hầu người hạ: “*Cả nhà chỉ ăn chung một bữa tối. Giúp mẹ dọn cơm xong, thằng nhớn, tức là hắn lên đứng ngoài cửa từng phòng khoanh hai tay trước ngực: “Con mời cậu đi xơi cơm ạ”, “Con mời anh đi xơi cơm ạ”*”

(Lê Lựu, 1994). Rồi đến lúc cả nhà vào mâm để ăn cơm, những đứa trẻ ở tầng dưới cũng phải kính cẩn: “*Đồng loạt khoanh tay mời: “Con mời cậu xơi cơm. Em mời các anh xơi cơm ạ”*” (Lê Lựu, 1994). Nếu so với các anh cùng cha khác mẹ kia thì anh em Núi nhỏ tuổi hơn rất nhiều, nhưng xét về vai vế thì tất cả đều là con, đều mang cùng dòng máu. Nhưng chẳng hiểu tại sao, anh em Núi phải gọi anh mình là cậu và xưng con, đó đâu phải là cách xưng hô của anh em ruột thịt. Hiển nhiên, trong mắt những người được mời thì mẹ con Núi chỉ là những người hầu kẻ hạ và trong bữa cơm ấy chẳng ai mời lại. Lời xưng hô con cậu, giữa những anh em ngang hàng với nhau trong cái gia đình ấy như là một điều mặc định, một quy tắc không thể đổi khác mà anh em Núi nhất định phải tuân theo và không được phép làm sai. Cuộc sống sinh hoạt là thế còn về học tập cũng chịu nhiều thiệt thòi hơn các anh: “*Người chơi ghita, người tập piano, người vẽ tranh, ... Anh nào cũng nói tiếng Tây xì xào như rắng mỡ và nhanh như gió*” (Lê Lựu, 1994). Cha luôn tạo điều kiện cho các anh học hành đủ thứ nhưng lại không thêm quan tâm đến Núi. Ông đã đặt niềm hi vọng vào các anh bao nhiêu lại xem nhẹ Núi bấy nhiêu. Trong mắt cha, anh như một người vô dụng. Phải chăng, anh em Núi đâu được biết thế nào là tự trọng, bởi hàng ngày họ bị chính những người thân, những người đang chảy cùng dòng máu chà đạp lên nhân cách của anh em mình. Có lẽ, họ “mất dạy” là vì họ không bao giờ được người làm chông,

làm cha chỉ bảo và dạy dỗ để biết thế nào là đúng, thế nào là sai.

Cuộc sống vốn dĩ chẳng bao giờ công bằng, mẹ con Núi luôn kính trọng những người cao sang ở tầng trên, nhưng những con người học cao hiểu rộng ấy lại chẳng bao giờ tôn trọng họ. Nhưng cứ thử một lần bất kính với họ thì sẽ biết thế nào là tủi cực, là thân phận thấp hèn: “*Cả khi lên gác, cả lúc quanh mâm cơm, cả khi lúc thấy người tầng trên đi về, mẹ và các con tầng dưới phải kính cẩn mời chào. Nhưng chẳng bao giờ được nghe một tiếng nói, một cái phẩy tay, hay một cái nhìn đáp lại. Vậy mà không mời, chào lập tức được “đáp” lại ngay*” (Lê Lựu, 1994). Cứ như tất cả chỉ trực chờ sao cho những con người đáng thương ấy làm sai để phạt lỗi, để trút giận. Hình phạt cho những ai không mời chào đó là không được ăn, đứng úp mặt vào tường, cho đến khi nào được ông chủ căn nhà lên tiếng tha mới thôi. Nhưng cũng có lúc, ông quên bẵng đi rằng sau bữa cơm nặng nề ấy, vẫn còn có một đứa trẻ bụng đói đang đợi chờ câu tha lỗi. Còn ông thì lại đứng đưng quên đi mặc cho Núi đứng đó đợi hàng giờ.

Qua những chi tiết trên, nhà văn Lê Lựu cho chúng ta thấy sự phân biệt đối xử trong gia đình, giữa con vợ cả và con vợ thứ và đó cũng là nguồn cơn của bi kịch nhân vật. Một đứa trẻ bảy tám tuổi nhưng Núi đã ý thức được sự bất công, sự phân biệt rõ ràng trong gia đình mà mình đang sống. Cũng đã nhiều lần anh tự hỏi, sao mẹ con anh phải chịu đựng những điều bất công ấy: “*Con nói mẹ nghe nhé. Ông ấy hơn con hai tuổi.*”

*Được dạy từ bé, lại đi học trước tuổi một năm. Con không được ai dạy. Lại đi học muộn một năm. Bây giờ ông ấy lớp 5, con cũng lớp 3, kém gì. Mà đã lần nào một năm ông ấy được hai giấy khen như con chưa? Thế mà việc gì cũng bắt con hầu hạ”* (Lê Lựu, 1994). Được đi học, anh bắt đầu thấy được giá trị bản thân và càng thấm thía những gì đã chịu đựng.

Rồi chiến tranh nổ ra, cuộc sống có thể gọi là đẫm âm của Núi bắt đầu bị chia ra làm ba. Mặc dù, anh không muốn nhưng cuối cùng cũng đành phải chịu cảnh cha mẹ một nơi và các con một ngả: “*Gia đình hẳn được sẻ làm ba. Anh Ý về ở với cậu em út của mẹ cả bên Thủy Nguyên. Hẳn “chỉ huy” ba đưa em về nhà cậu mẹ ở huyện Kinh Môn. Bố mẹ hẳn ở lại vừa bám sát cơ quan, nhà máy vừa gấp rút chuẩn bị phương án chiến đấu, một cuộc chiến đấu một mất một còn với máy bay giặc Mỹ”* (Lê Lựu, 1994). Sống xa cha mẹ, một mình Núi phải lo cho hai đứa em thơ dại. Mới mười sáu tuổi đầu, cái tuổi nửa người lớn, nửa con nít, tự lo cho mình cũng là một vấn đề khó khăn thì nay lại phải gánh lấy trọng trách là chủ của một gia đình.

Cha và mẹ Núi vẫn hàng tháng cung cấp tiền và gạo cho các con, nhưng số lần ông về thăm các con cứ ít dần và như một thói quen mặc định, lần nào về ông cũng chỉ nói đúng một câu với những người ở quê: “*Chúng tôi ở xa. Các cháu về đây phải cậy nhờ các bác, các dì trông nom, dạy dỗ”* (Lê Lựu, 1994). Cũng là một câu nói, nếu nhìn từ góc độ của những người trong làng thì đó là một

câu khiến người nghe thấy mát dạ và sẵn sàng giúp đỡ đến cùng. Nhưng xét theo góc độ một người cha, thì câu nói ấy như một cái bình phong che đậy cho một sự thật ở phía sau, đó là cả một sự vô tâm, hời hợt của ông dành cho các con của mình.

Anh em Núi thèm lắm những cái ôm, những lời yêu thương từ cha, để có thể cảm nhận được rằng cha vẫn rất yêu thương và sẽ không bao giờ bỏ rơi mấy anh em. Từ đó, anh em Núi mới có thêm động lực để học hành chăm hơn và ngoan ngoãn hơn dù ông không bên cạnh. Trái lại, cái ước muốn của anh vẫn chỉ là ước muốn, bởi cha anh không hề làm như vậy. Ông lại vẫn thái độ lạnh nhạt đó, vẫn là những câu nói mang đầy tính hình thức, vì từ khi đặt chân về nhà cho đến lúc đi ông chỉ nói với anh em Núi vồn vồn có vài câu: “*Anh em phải bảo ban nhau học hành cho cẩn thận. Cấm không được làm việc gì ảnh hưởng đến bố mẹ. Đứa nào không ăn lời thì đừng có trách”* (Lê Lựu, 1994). Suy cho cùng, cái mà ông quan tâm hàng đầu vẫn luôn là cái danh dự cá nhân chứ chẳng yêu thương gì những đứa con thơ dại ấy. Ông là một cái gì đó rất kinh khủng, đáng sợ cho nên cứ mỗi lần ông nói chuyện là mấy anh Núi phải đứng ngay ngắn, trang nghiêm nếu không sẽ phải nhận lại những hình phạt nặng nề không thể đoán trước được. Ông đúng là một người cha vô tâm và khắc nghiệt, trở thành nỗi khiếp sợ cho những đứa con của mình.

Núi vẫn biết rằng cha mình luôn là một người độc tài, vô tâm và cứng nhắc, luôn đối xử với con đẻ của mình bằng

thái độ bình tĩnh, từ tốn đến không thể chấp nhận được. Chẳng bao giờ anh được ông hỏi han, tìm hiểu để biết cuộc sống ở quê của mấy anh em như thế nào. Bởi ông nghĩ bọn chúng ở quê đã có bà con họ hàng quan tâm giúp đỡ, chứ đâu như đứa con trai cưng của mình đang phải sống một mình nhưng lại vẫn được đủ đầy mọi mặt. Nhưng làm sao cha có thể biết được, những đứa trẻ thơ dại ấy phải đối mặt như thế nào với cuộc sống không cha mẹ bên cạnh. Sinh ra và lớn lên ở thành phố, dù điều kiện sống không đầy đủ nhưng ít ra mấy đứa trẻ ấy chưa bao giờ phải một mình đối mặt với cuộc sống mà không có mẹ. Giờ về sống nơi làng quê nghèo, lại càng thiếu thốn nên bọn trẻ sợ lắm, lo lắng bởi tất cả đều quá lạ lẫm. Mọi chuyện xung quanh, dù to hay nhỏ cũng đều khiến đám trẻ con ấy sợ đến nỗi không thể thốt nên lời mà ông nào có thấu hiểu: *“Một con cóc nhảy từ bụi tre ra, làm đám trẻ con, những đứa em hẳn kêu ré lên thất thanh, lao người đi như tránh một quả bom sắp nổ. Chúng đã trải qua những đêm thở không ra hơi, trống ngực đánh thùm thùm, cả ba đứa ngồi ôm nhau run bần bật khi nghe tiếng mèo đi hoang, tiếng chó sủa sò lên ở một góc nào đó”* (Lê Lựu, 1994). Còn ở quê, Núi lại phải một mình lo cho các em từng miếng ăn, cho đến cái áo. Lo làm sao để các em không thiếu ăn và lo làm sao để không bị cha phạt, còn Núi thì tự lo cho mình qua loa miễn no là được: *“Vào khoảng 12 giờ rưỡi trưa hoặc hơn gì đấy, nghĩa là nửa ổ bánh mì đen rắn như cục gạch, suất ăn sáng nhưng bao giờ hẳn cũng để nhét trong cặp sách để đến 11 giờ rưỡi trưa,*

*hết tiết thứ năm hẳn mới ngồi lại lớp, ngoảnh vào tường thung bằng đất “nap” nguyên liệu lấy sức cuộc bộ về”* (Lê Lựu, 1994).

Nguồn sống và chỗ dựa duy nhất của anh em Núi là mẹ, cũng rời xa chúng. Mẹ Núi mất cùng với đứa em chưa kịp sinh ra trên bàn mổ vì sinh khó. Đây có lẽ là bi kịch lớn nhất mà cuộc đời một đứa trẻ phải gánh chịu. Nhà văn đã cảm thông cho nhân vật một cách sâu sắc về sự mất mát và đau thương ấy. Giờ thì đúng thật là chỉ còn mấy anh em bơ vơ, nương tựa vào nhau mà thôi. Tiếng khóc lóc cứ vang dội trong căn nhà của một gia đình luôn khiếm khuyết một người cha, nỗi đau xót bao trùm những ánh mắt hoang mang, lạc lõng của những đứa trẻ đáng thương, tội nghiệp: *“Suốt 4 ngày trời anh em hẳn chết đi sống lại trong tiếng gào khóc với những bàn tay chới với cào vào không gian đời mẹ”* (Lê Lựu, 1994). Núi chỉ còn mình cha là chỗ dựa, nhưng chỗ dựa ấy từ lâu đã không thể trông chờ gì. Mấy ngày trời ngập chìm trong nỗi mất mát và nước mắt, nhưng người cha ấy lại chẳng một lời an ủi động viên các con. Ngược lại, chỉ thấy ông hăng hái, say mê kể lể những vất vả, tốn kém khi lo cho vợ mình trong cơn nguy kịch: *“Ông kể về nỗi vất vả và khôn khó một mình ông phục dịch vợ ốm trong lúc bụng mang dạ chửa giữa bom đạn như thế nào? Ông đưa bà vào viện để mổ ra sao? Khi cả bà và đứa trẻ tắt thở trên bàn mổ ông lại phải chạy vạy ra sao để đưa được xác bà về quê theo lời nói “gở” của bà trên đường đi đến bệnh viện”* (Lê Lựu, 1994).

Mẹ của Núi mất rồi còn cha lại không quan tâm, cuộc sống của anh và các em từ đây trở nên bế tắc. Gia đình vốn đã không được yên bình, không đủ đầy của anh nay lại phải gánh chịu thêm nỗi mất mát lớn lao không gì tả xiết. Những đứa trẻ tội nghiệp ấy như những con gà con lạc mẹ bơ vơ: *“Đứa lả người, dựa vào tường quay mặt ra. Đứa ngồi xồm trên ghế, gục mặt xuống hai cánh tay khoanh ở đầu gối. Đứa đứng dựa cột. Đứa ngồi bệt ở chân liếp, quay mặt vào.”* (Lê Lựu, 1994). Với anh em Núi, mất đi người mẹ mà là mất đi chỗ dựa duy nhất trên cõi đời này: *“Ôi ôi mẹ ơi! Mẹ nhớ để chúng con đói khát khôn khổ, khôn nạn thế này mẹ ơi. Ôi giờ đất ơi, sao giờ lại bắt mẹ tôi đi? Mấy anh em tôi biết làm gì nuôi nhau! Ôi giờ đất ơi! Ôi mẹ ơi.”* (Lê Lựu, 1994).

Nếu như mẹ của Núi còn sống thì chắc cuộc sống của mấy anh em anh sẽ không phải là những chuỗi ngày cực nhọc đến như thế. Núi sẽ có người để tâm sự, sẽ có người lắng nghe, giúp anh định hướng những con đường mình nên đi, che chở anh trước những chông gai của cuộc đời. Sẽ có người cho những lời khuyên, giúp anh mạnh mẽ trước những ngã rẽ mà số phận đã an bài để không làm đường, lạc bước: *“Đêm ấy, hấn đi tàu xuống ga miền Trung, tay cầm bó hương đi bộ về quê ngoại. Khoảng độ mười giờ đêm hấn mới lần về đến quê và tìm được mộ mẹ mình ở ngay góc sát bờ mương”* (Lê Lựu, 1994). Giờ thì, anh chỉ có thể nói chuyện với năm mộ của mẹ mình và thứ phản hồi lại với anh đã không còn là giọng nói dịu dàng triu

mền của mẹ mà là những làn khói hương nghi ngút cay đến xé lòng.

Tình yêu thương của cha mẹ thật sự rất thiêng liêng, soi sáng cho con để không phải lạc bước trên đoạn đường đời đầy chông gai và cạm bẫy. Thế nhưng, anh em Núi thì không có may mắn đó, tình yêu của mẹ cũng chết theo mẹ. Còn tình yêu của cha lại chẳng bao giờ được thắp lên dành cho anh em Núi. Nên có thể nói, bi kịch về cuộc sống gia đình của Núi là những tháng ngày thiếu thốn về mọi mặt, thiếu thốn về vật chất, thiếu thốn về tình yêu thương của cha mẹ, điều mà bất cứ đứa trẻ nào trên đời đều có quyền được nhận lấy. Đây cũng là nguồn cơn cho những bi kịch về sau của nhân vật.

## 2.2. Bi kịch nhân vật trong cuộc sống mưu sinh

Từ bi kịch của một đứa trẻ mất mẹ, Núi tiếp tục trải qua bi kịch của một người không gia đình. Núi cũng không biết làm thế nào để có cái ăn cái mặc để sống qua ngày. Bị cha từ mặt, có nhà nhưng không thể về, cuộc sống của Núi lúc này chẳng khác nào một đứa trẻ mồ côi, lang thang đầu đường xó chợ: *“Mỗi bữa ăn hấn đến một cửa hàng nào đó, mua mấy xu nước canh hoặc nước rau luộc, kể cả nước lã. Hấn lấy một bát nước mắm pha loãng ở trong chiếc chậu giặt quần áo, một cái bát đựng tương ớt rồi quan sát xem bàn nào có người ăn thừa, hấn bê cả “canh” cả mắm, cả ớt đến đặt ở bên cạnh và nói: bác (hoặc anh hoặc chị) ăn xong cho mượn bát đựng cơm. Rồi quan sát tiếp và lại đi*

“muộn” bát đựng cơm thừa về đổ vào bát mình” (Lê Lựu, 1994). Những thứ anh ăn không phải là thức ăn dành cho con người, đó là đồ thừa từ người khác và bất kể là món gì, anh cứ đồ trộn vào mà ăn để không bị đói, cứ xin và gom rồi ăn chỉ mong sao no bụng chứ không trông mong gì những bữa ăn đầy đủ cơm canh. Anh ăn là để sống chứ không phải sống để ăn. Anh ý thức được rằng muốn có cái để ăn thì phải lao động kiếm tiền, nhưng một đứa con nít mới lớn, sức lực yếu ớt vì thiếu ăn, thì có ai thuê để kiếm được tiền. Núi không nhà, không tiền, không người nương tựa và vất vả mưu sinh.

Núi đã ý thức được rằng muốn có cái để ăn thì phải lao động kiếm tiền, nhưng một đứa con nít mới lớn, sức lực yếu ớt vì thiếu ăn, thì có ai thuê để kiếm được tiền. Trong cái xã hội bấy giờ, riêng mỗi người tự lo cho mình còn không xong thì có thời gian đâu mà nghĩ đến và lo cho những người dung không cùng ruột thịt. Với cha của Núi, cho đứa con tội lỗi ấy một chỗ ngủ đã là phước đức lắm rồi. Ông luôn tạo điều kiện cho các anh con bà lớn học hành đủ thứ, còn Núi thì không thêm quan tâm đến và xem anh như người vô dụng. Từ sáng đến tối, cha đi làm về thì anh cũng phải ra khỏi nhà và về giống như ông, vì đó là lệnh, là quy ước của ông với đứa con trót gây tội để đảm bảo rằng Núi sẽ không lấy cắp bất cứ thứ gì trong nhà. Cứ thế suốt hàng tháng trời, Núi đáng thương cứ đi lang thang giữa dòng đời xuôi ngược mà chẳng biết bám víu vào đâu ngoài lời hứa của cha anh rằng sẽ tìm giúp anh

một công việc: “*Cậu xem ở cảng có việc gì làm, bốc vác hay quét dọn, lau chùi gì đấy cậu cố xin cho con*” (Lê Lựu, 1994).

Núi thật sự đau như ông đã nghĩ là một “đứa lọc lừa”, dối trá, anh vẫn muốn lao động kiếm sống bằng chính khả năng và sức lao động của mình. Anh khao khát được làm việc, khao khát được sống chân chính để các em yên vui mà học hành. Chỉ mong sao người cha sắt đá kia biết và hiểu rằng anh không hề xấu xa, rồi nghĩ lại sẽ cho anh sống trong ngôi nhà đó với các em của mình. Núi chỉ mong có thể nhưng anh đâu biết rằng, sau lời hứa của cha là một sự cố tình lãng quên: “*Ờ được, cậu cố hỏi xem. Trước mắt, con phải tự giải quyết lấy việc ăn uống ở ngoài*” (Lê Lựu, 1994). Mặc cho Núi lên tiếng hỏi han hết lần này đến lần khác, thậm chí năn nỉ ông tìm việc giúp, vì anh ý thức được rằng về nhà kiếm ăn là sẽ nhục, sẽ làm khổ các em nhưng lần nào ông cũng bảo đang hỏi và chưa có câu trả lời. Núi thừa biết tính nết của cha nhưng vẫn cố năn nỉ, van xin: “*Hắn mong mỗi được đi làm. Mong cho các em đừng khổ thân nên hắn không dám nổi khùng*” (Lê Lựu, 1994). Núi van lạy ông đừng bắt anh phải đi, không phải vì bản thân yếu đuối, nhút nhát sợ cực: “*Sợ lang thang lắm rồi*” (Lê Lựu, 1994). Anh sợ cái cảm giác lang thang có nhà nhưng không thể về, ngủ bờ, ngủ bụi, miếng ăn chẳng có, việc làm cũng không. Nó đáng sợ lắm và làm con người ta như rơi vào đáy vực sâu không lối thoát. Chính vì thế, Núi rất sợ và càng khát khao có được việc làm hơn bao giờ hết. Nhưng cuối cùng thì



người cha ấy vẫn đôi xử: “*Cạn tào ráo máng*”, “*Tôi biết trước sau, anh cũng nói tôi như thế, nên tôi phải từ mặt anh hàng năm nay rồi*” (Lê Lựu, 1994).

Đến khi nổi uất hận dâng đến tận cùng, chính người cha đẻ của mình tước đoạt đi cả cơ hội duy nhất để sống lương thiện, Núi chẳng còn trông mong thêm được bất cứ điều gì từ ông kể cả tình nghĩa cha con: “*Con cũng không cần bố con gì nữa*”, “*Được ông cứ nhớ lấy*” (Lê Lựu, 1994). Người cha sau ngần ấy năm anh luôn kính trọng, lại trở thành một con người tàn nhẫn đến đáng sợ, khiến anh chẳng bao giờ muốn nhìn mặt và quyết định bỏ đi: “*Núi lao người đi trong mưa sầm sập lúc 12 giờ đêm. Một đêm mà chắc chắn cả ông và hấn còn ghi nhớ suốt cả cuộc đời của mỗi người.*” (Lê Lựu, 1994). Cái đêm mưa gió mù mịt ấy là khởi đầu của khoảng thời gian tăm tối trong cuộc đời Núi sau này. Tình nghĩa cha con chỉ trong một giây phút nóng giận đã vỡ tan, cắt đứt vì sự cay nghiệt của người cha và sự nóng nảy của người con bị dồn vào chân tường. Giá như sự khắt khe của người cha biết dừng đứng lúc thì sẽ không bao giờ khiến đứa con đẻ hận mình như thế. Giá như ông thay sự sắp đặt cuộc đời của các con bằng sự cảm thông, lắng nghe và thấu hiểu thì mọi chuyện có thể sẽ khác. Tất cả đều sẽ được hạnh phúc, đều được sống một cuộc sống bình thường như bao người khác.

Núi như là con ngựa đã đi sai đường, biết đi sai đường nhưng vẫn cứ muốn đâm đầu lao vào, vì cuộc sống mưu sinh. Cuộc đời của Núi bắt đầu rẽ sang một hướng khác và những bi kịch của đời anh

manh nha từ đây. Nếu như có thể cố gắng chờ đến lúc được các em báo rằng anh đã có việc trước khi thực hiện hành vi trộm cắp bắt thành thì mọi chuyện giờ đây đã khác: “*Anh có giấy gọi của phòng đi làm ở nhà máy Cá Hộp*” (Lê Lựu, 1994). Cánh cửa hy vọng của cuộc đời chỉ vừa kịp hé thì cánh cửa nhà tù đã mở rộng cửa để đón chào và tương lai anh bế tắc kể từ đây. Thay vì ra tù chỉ thú làm ăn để làm lại cuộc đời thì anh lại muốn mưu sinh bằng nghề cũ và quen tay, lại thêm tích lũy được nhiều kinh nghiệm móc túi từ các bạn tù. Cuối cùng, Núi lại đi móc túi để phục vụ cho lối sống thích hưởng thụ, sa ngã của mình: “*Quen tay, hai thằng lại rủ nhau đi móc túi, đi trai gái và đánh nhau. Lại tù một án ba năm*” (Lê Lựu, 1994). Lần này, anh lại đi tù và không phải chỉ chín tháng như trước mà là ba năm. Điều đó cũng chẳng có nghĩa lí gì với con ngựa đang điên cuồng này, khi nổi chán ngán cuộc sống lương thiện trong anh đã không còn điềm dưng. Núi đã từng rất muốn lương thiện, nhưng hết lần này đến lần khác, anh nhìn thấy từng cơ hội tuột khỏi tầm tay mà không thể nắm lấy. Càng ngày anh càng thêm chán nản và đó cũng chính là lúc anh trở thành một tên tội phạm móc túi có tiếng một vùng: “*Thế là từ Hà Nội hấn lên thẳng Bắc Giang. Lại móc túi, ăn trộm, tranh gái,... Lần này thì hấn vào loại “anh chị” khuấy đảo cả vùng thị xã về nạn trộm cắp, đi điếm*” (Lê Lựu, 1994).

Án phạt tù với Núi dường như chẳng có gì phải đáng sợ, bởi nó đang dần trở thành một gia vị không thể thiếu để thêm

thất vào bi kịch của đời anh. Nếu bản chất xấu xa của một con người được xếp vào loại thứ nhất là chính bản thân họ muốn vậy và thứ hai là do hoàn cảnh bắt buộc thì Núi sẽ được xếp vào loại thứ hai. Trước kia, nếu anh là một người con, người anh, người học trò mẫu mực bao nhiêu thì bây giờ anh lại là một tên móc túi liều lĩnh bấy nhiêu. Cái căn nguyên khiến chàng trai hiền lành ấy trở nên như thế chẳng ai khác ngoài cha anh, nên giờ đây với anh, ông chỉ là một người dung không hơn không kém. Anh sẵn sàng lớn tiếng nếu ông làm anh không vừa ý chứ không im lặng, sợ hãi như xưa: *“Tôi vạn cổ ông chó còn làm gì”* (Lê Lựu, 1994). Núi của ngày xưa chết thật rồi, cái ngoan hiền của anh đã bị cái cay nghiệt của cha đã tôi luyện đến mức biến chất như thế đấy. Giờ đây, Núi có muốn quay đầu làm lại thì cũng không kịp nữa, vì anh đã đi quá xa. Con đường anh chọn là một con đường đầy tăm tối, nó đã khiến anh không thể quay đầu để xác định được đâu là bến bờ. Anh càng không thể dùng chân mà neo đậu để sống một cuộc sống bình thường: *“Ngựa quen đường cũ, biết làm thế nào”* (Lê Lựu, 1994). Với Núi giờ đây tương lai là một thứ gì đó vô cùng mịt mờ, nó chỉ là một màu đen đến lạnh người, một màu đen âm u nhuộm đầy tội lỗi sau những song sắt nhà tù.

Từ một học sinh giỏi nhất nhì trường huyện, tương lai tươi sáng nhưng vì cuộc sống mưu sinh mà Núi đành để tuột mất đi cái tương lai ấy. Anh lao kiếm tiền, để rồi cuối cùng phải rơi vào vũng bùn tội lỗi mà chẳng biết ngày ra. Phải chăng,

cuộc sống vào tù ra khám dường như khiến anh kiệt quệ về nhân cách, anh không còn tha thiết, không trông mong và cũng không hi vọng vào bất cứ điều gì nữa cho bản thân mình.

Nếu như người cha tàn nhẫn là người đầu tiên khiến Núi phải đi vào bước đường trộm cắp, đánh mất tương lai thì Mai, người vợ mới của anh lại là người thứ hai phải bắt anh quay lại con đường tội lỗi ấy sau một khoảng thời gian Núi cố gắng sống lương thiện. Mai đến và sinh cho Núi một đứa con, anh như vỡ òa trong hạnh phúc, nhưng không được bao lâu thì cô lại bỏ đi để lại một người chồng tội nghiệp cùng đứa con còn đỏ hồng. Núi chẳng công ăn việc làm, phải làm sao để sống, làm sao để nuôi đứa con nay ốm mai đau và thế là cùng đường, anh đành quay lại nghề cũ. Đó là cách nhanh nhất để có tiền mà lo cho đứa con bé bỏng của mình. Núi biết rất rõ mình không nên làm như thế, bởi trong lúc làm lại cuộc đời đã có rất nhiều người giúp đỡ anh và giờ họ càng không muốn anh lại đi sai đường: *“Ai cũng khuyên hấn ra viện mà tu tỉnh làm ăn mà nuôi con. Hấn đều hứa hẹn sẽ làm như thế. Nhưng rồi hấn vẫn ăn cắp tình thương yêu đùm bọc, ăn cắp tình thương yêu của mọi người. Hấn biết, hấn tiếp tục đi ăn cắp là phụ lòng bà con, nhưng hấn làm được gì khi không có gì để làm”* (Lê Lựu, 1994). Một mình Núi lo cho bản thân mình không bị đói cũng là cả một vấn đề, nay lại thêm đứa con thơ dại không người trông nom. Núi làm gì được ngoài việc móc túi để tồn tại và

một lần nữa anh đành cho phép bản thân đi vào vết xe đổ của chính mình.

Cùng đường, Núi bế con đi lang thang: “*Chỗ nào gặp người quen hẳn ngửa cái mũ mềm bộ đội vẫn đội trên đầu ra xin*” (Lê Lựu, 1994). Cuộc sống của hai cha con là những ngày sống trong sự thương hại của những người quen, vì thương hai cha con bơ vơ, nghèo khó mà cho ít đồng lẻ để đưa nhỏ có sữa mà uống, có cái tã để mà thay: “*Hắn bế con bằng cánh tay chen vào chỗ đông, còn tay thì một giờ chiếc làn đầy tã lót, chai lọ, vú sữa lên, bàn tay dưới móc túi hoặc dùng dao lam rạch túi khoác*” (Lê Lựu, 1994). Ngày nào cũng thế, Núi bế con đi hết nơi này đến nơi khác: “*Từ chợ Sắt đến Bón Bính, từ chợ Cổ Đạo, cửa ga đến chợ Lạc Viên, từ cửa hàng bách hóa, hàng gạo, hàng thịt đến các xó xỉnh ở phía Cầu Rào.*” (Lê Lựu, 1994).

Cái nghiệp trộm cắp dường như chẳng chịu buông tha cho bất cứ ai đã chạm vào nó dù chỉ một lần. Nó như những liều thuốc phiện, bởi nó giúp con người giải tỏa và quên đi những ưu phiền trong thực tại một cách nhanh chóng. Phải chăng, con người làm được một lần sẽ muốn làm thêm lần thứ hai và trộm cắp giống thế, nó có thể giải quyết rất nhanh những vấn đề về vật chất trong những lúc khốn cùng. Điều gì cũng có cái giá của nó và cái giá mà Núi phải trả vẫn là những tháng năm bị giam cầm nhưng lần này, cảm giác đi tù đã không còn như xưa: “*Những lần trước đây án tù với hắn dù ngắn hay dài cũng không nặng nề lắm. Có ghê lở, đói ăn và nạn đầu gấu hành*

*hạ thì cũng không đau đớn bằng lần này.*” (Lê Lựu, 1994). Tương lai anh một lần nữa đành khép lại sau cánh cửa nhà tù cũng vì tội trộm cắp. Như vậy, tuy cái giá mà Núi phải trả cho những việc mình làm là hoàn toàn xứng đáng nhưng dù có như thế nào thì anh vẫn là một con người rất đáng thương. Bao nhiêu bất hạnh cứ đổ dồn lên đầu, vì cuộc sống mưu sinh khiến anh cùng đường để rồi bước sai hướng dẫn đến bế tắc mọi mặt, tương lai mịt mù phủ kín cả cuộc đời anh.

### 2.3. Bi kịch nhân vật trong tình yêu đôi lứa

Bi kịch của nhân vật Núi không chỉ gắn với mối quan hệ với gia đình, không chỉ là nỗi nọc nhằn mưu sinh mà còn là sự lặn độn trong tình yêu đôi lứa. Tình yêu đầu đời với Núi giống như một giấc mộng đầy nước mắt và sự đau đớn, nó đến và đi quá nhanh khiến anh không thể nào lường trước được. Người yêu của anh là Hiền, một cô gái quê xinh đẹp, dịu dàng. Họ gặp nhau vào một buổi trưa đầy nắng, khi cái màng của cô bị mắc vào cành gai: “*Anh Núi ơi, làm ơn giúp em một tay được không?*” (Lê Lựu, 1994). Chẳng biết là cô vô tình hay cố ý, cô để cái màng mắc vào cành gai rồi nhờ anh giúp để anh có cơ hội tiếp xúc với cô. Hiền đã để ý đến anh chàng thành phố này từ rất lâu, chính vì lâu nên cô biết rất rõ về Núi: “*Anh về đây hàng năm giờ rồi, ai còn lạ. Học giỏi, làm nghề nông cũng giỏi, cả tổng đều biết. Chỉ có anh là không để ý đến dân nhà quê cục mịch chúng em.*” (Lê Lựu, 1994).

Ngay từ lúc gặp và yêu Núi, Hiền đã tìm hiểu và biết rất nhiều về anh nhưng có một điều mà đến khi biết thì mọi chuyện đã quá muộn. Mọi thứ như sụp đổ khi biết giữa cô và Núi có mối quan hệ huyết thống với nhau, người mà cô yêu phải gọi mình là cô họ: “*Cô Hiền ngang vai mẹ anh*”(Lê Lựu, 1994). Cả đất trời như tối sầm lại, nếu đúng như thế thì anh đã mắc phải tội loạn luân khi ở với cô mình và khiến cô có thai: “*Hắn thấy người mình như rời ra*” (Lê Lựu, 1994). Niềm hạnh phúc của tình yêu vẫn còn đọng đầy trong Núi vẹn nguyên, đâu ngờ giờ đây lại phải đối mặt với một sự thật quá xót xa: “*Hắn nghe, nước mắt chảy xuống má từ lúc nào không để ý*” (Lê Lựu, 1994). Trở trêu là Hiền có huyết thống cách nhau đến bảy đời, mặc dầu pháp luật quy định ba đời đã có thể lấy nhau nhưng: “*Luật Nhà nước là cho nơi khác, để chỗ tình người ta theo, còn làng mình chín mươi đời mà bằng vai phải lứa đã không lấy được nhau huống hồ cháu lại lấy cô.*” (Lê Lựu, 1994).

Sự lầm lỡ đã khiến Hiền ôm nỗi đau mà đi biệt xứ vì mối tình ngây dại, nhưng vô tình làm dang dở của cô cả đời con gái. Còn Núi thì sau cuộc tình ấy đúng thật là anh không mất gì nhưng với anh đó là mối tình đầu, là những yêu thương xuất phát từ sự chân thành của một con người luôn trân trọng hạnh phúc. Bởi Núi là một con người có trách nhiệm, anh không hề chối bỏ trách nhiệm với Hiền khi cô báo có thai, anh vạch ra con đường tương lai cho cả hai để xây dựng hạnh phúc ở phía trước: “*Anh sẽ xin cho em học nghề ở nhà máy nào đấy. Bố anh*

*quen rất nhiều giám đốc*” (Lê Lựu, 1994). Tất cả những suy tính của anh vẫn không thể thực hiện được. Những áp lực mà Hiền chịu đựng đã khiến cô không thể cùng anh vun đắp hạnh phúc như hai người hẹn ước: “*Đến sáng ngày hôm qua thì người anh thứ hai và mẹ cô phải đưa cô lên Hà Nội để đêm đi chuyến tàu vào Quảng Bình, Vĩnh Linh, Thanh Hóa hay Nghệ An gì đấy*” (Lê Lựu, 1994).

Dẫu cho thế nào đi nữa, Núi vẫn luôn rất trân trọng tình yêu với Hiền, đó không phải là những cảm xúc nhất thời, càng không phải là sự vui đùa để tìm những khoái lạc. Anh không hề muốn nó tan vỡ, cũng không muốn người mình yêu phải ra đi với những nỗi đau mà anh không thể cùng chia sẻ. Điều mà Núi phải đối mặt đó chính là tục lệ, lễ nghi từ đời này sang đời khác của làng, của xã. Núi thật đau đớn, vì tình yêu chỉ vừa mới chớm nở của anh lại bị vùi dập, bởi những hủ tục như thế, tại sao phải bắt anh gánh chịu tội danh phạm đạo với cô mình, một người cô có quan hệ đã bảy đời. Tại sao bao nhiêu cay đắng cuộc đời cứ đổ dồn lên anh như thế? Anh có thể đập lên dư luận mà sống nhưng Hiền thì không và cô quyết định ra đi với giọt máu của anh.

Tình yêu đầu tan vỡ đã để lại trong Núi những sự nuối tiếc và cả sự ân hận trong khoảng thời gian dài. Lần đầu được biết thế nào là tình yêu, lại phải trả một cái giá quá đắt đã khiến anh như chẳng còn dám tin vào nó và cũng chẳng muốn yêu bất cứ ai. Anh cũng chẳng dám mơ rằng một ngày nào đó, bản thân sẽ có được vợ nên anh trân trọng và xem

đó là một mối quan hệ nghiêm túc. Có lẽ, Núi sống buông thả trong ngần ấy thời gian đã khiến anh thêm muốn một cuộc sống bình yên bên mái nhà với những việc làm lương thiện. Hạnh phúc cứ tiếp nối hạnh phúc, anh nhận được tin Mai đã mang bầu, mừng như bắt được vàng và cảm thấy đời mình như thế là quá đủ: “*Hờ hờ hợ... Con bố đây. Con bố... Thế là chúng mình có con rồi.*” (Lê Lựu, 1994).

Đứa con của Núi đang từng ngày thành hình khiến người làm cha thêm có động lực mà phấn đấu, lao động một cách chân chính: “*Sáng: chồng dậy sớm đi thuê xích lô mua các thứ bông bưởi, cam quýt hoặc mít dứa, na ổi,... Mùa nào thức ấy, đem về chờ sẵn ở đầu chợ An Dương đợi vợ khệ nệ “vác bụng ra đứng bán”* (Lê Lựu, 1994). Cuộc sống vợ chồng cứ thế mà diễn ra và theo từng ngày, mặc cho: “*Giữa những đống rác xông ra mùi cóc chết hoặc trong một liều quán bên rãnh nước thải, chứa đựng hàng trăm thứ hôi đang rữa ra, sủi lên lều xều như không có chỗ nào khảm thối đến thế, phải lấy bao tải trùm kín mặt, vừa âu yếm nhau vừa lấy tay bịt mũi, lại thấy thắm thiết vợ chồng*” (Lê Lựu, 1994). Cái thai cứ lớn dần theo niềm hạnh phúc đang dâng trong lòng Núi. Anh không sợ cực, không sợ khổ, chỉ cần con anh được khỏe mạnh chào đời thì dầu có cực hơn hiện tại gấp trăm nghìn lần cũng chịu. Nhưng kiểu vợ chồng ăn ở với nhau, hợp thành một cặp theo kiểu chấp vá mà không hề có tình yêu thì làm sao tránh khỏi những bất đồng khi cả hai không hề hiểu gì nhau.

Hai vợ chồng cứ suốt ngày hét cãi vã rồi lại chửi nhau bằng những câu tục tĩu, hay thậm chí đánh nhau chỉ vì những chuyện tưởng chừng nhưng rất bình thường. Với nỗi khát khao hạnh phúc, Núi bỏ qua và học cách chấp nhận hết, vì đó là bản tính của cả hai. Trước giờ luôn là như thế, anh có sửa cũng chẳng được và nó cũng không quan trọng, vì lúc này với Núi đứa con đang lớn lên từng ngày mới là quan trọng nhất.

Cuối cùng thì mọi chuyện lại hoàn toàn rẽ sang hướng khác, mặc dù đã lường trước nhưng vẫn không thể kiểm soát được: “*Cho đến khi mang bầu đến tháng thứ bảy cô ta nói phải đi mười ngày về thăm bố mẹ rồi trở lại đẻ. Sau này hẳn mới biết nó lừa hẳn. Bao nhiêu lần nó định bỏ về, hẳn đều đe sẽ giết và tìm mọi cách để nó không mang đứa con của hẳn đi.*” (Lê Lựu, 1994). Mặc cho Núi có đe dọa và ngăn cản, Mai vẫn bỏ đi cùng đứa con sắp đến ngày sinh, anh vừa đau buồn, vừa tức giận mà lại không biết tìm chị ở đâu. Phải chăng, cái anh cần bây giờ chỉ là con, chỉ cần Mai sinh đứa con cho anh thì cô muốn đi đâu anh cũng không cản. Cái nỗi đau trong quá khứ giờ lại tiếp diễn lần thứ hai trong cuộc đời Núi: “*Hai lần định lấy vợ, hai lần sắp có con, đều mất*” (Lê Lựu, 1994).

Đang trong lúc đau buồn vì vợ bỏ theo người đàn ông khác thì duyên số lại đưa đây Núi gặp lại Hồng, người bạn thân của Hiền lúc còn ở dưới quê. Cô có chồng nhưng chồng lại mất, giờ gặp lại bạn cũ và hai người lại đến với nhau trong khi vợ Núi chỉ vừa đi có vài ngày:

“*Cô đã tỏ rõ mình là người chủ gia đình. Cô đưa hẳn đi mua vải may lại vỏ chăn, mua màn, gối, riđô, mặc áo, đưa tiền hẳn đi mua bộ quần áo mới,...*” (Lê Lựu, 1994). Sự đảm đang, dịu dàng đó của Hồng làm Núi chỉ biết ước ao và tưởng mình đang nằm mơ vì mới đây mà anh lại có thêm một người vợ, một người phụ nữ khác xa người vợ vừa mới bỏ anh mà đi. Hồng vun vén cho căn nhà của cả hai, bày ra cách để kiếm tiền và làm ăn rất khăm khá, khiến anh rất hãnh diện về cô.

Cứ tưởng hạnh phúc bình dị đó sẽ ở yên đó với anh nhưng không, Mai lại quay về với đứa con mới sinh trên tay. Cô thấy Hồng trong căn nhà của mình và thế là một trận đánh ghen với sự chứng kiến của những “người háng xóm hóng chuyện”. Núi đứng hình trước đứa con mà không hề màng đến Hồng đang bị cô vợ hung hăng của mình đánh đuổi. Anh vẫn đứng im như một pho tượng, nhu nhược và sợ hãi không một lời biện hộ cho Hồng, mặc cho Mai dùng những lời lẽ khó nghe để chửi. Điều đó có gì khó hiểu đâu, khi người vợ đây mưu tính ấy rất rõ điểm yếu của Núi chính là đứa con, cô dùng đứa con như một tấm bùa hộ mạng để quay về căn nhà mà Hồng và Núi đã dày công xây đắp thời gian qua. Bao nhiêu tiền bạc, vốn liếng làm ăn cô đều giành hết, Hồng ra đi với bàn tay trắng cùng sự nhục nhã trước bao ánh mắt gièm pha và những lời xúc phạm nặng nề của Mai và những người khác: “*Đời cháu cũng đã khổ nhiều lắm, gặp cảnh tội nghiệp của hẳn, cháu thấy mình có thể cùng vun đắp lại, chứ đâu*

*phải cháu là kẻ sống cốt để cho hẳn chơi bời giải trí khuây khỏa lúc vợ không có nhà*” (Lê Lựu, 1994).

Núi căm hận vợ bao nhiêu thì lại càng yêu thương con bấy nhiêu, nên vì thế mà anh không thể đuổi cô đi khi đứa con thơ vẫn còn đang cần bú sữa mẹ. Hàng ngày, người cha vì thương con mà cố gắng nhường nhịn người vợ hư đốn, anh cần mẫn làm việc nhưng Mai thì chẳng chịu yên phận, cô cứ phải chọc Núi nỗi điên mới chịu nổi. Rồi vào một ngày, cũng vì cái thói nói chuyện hỗn hào mà anh đã đánh cô đến mức bể đầu phải nhập viện: “*Cái ghế con vẫn ngồi ăn cơm, chỉ là tiện tay hẳn vợ được. Hẳn đập vào đầu nó, cũng không có chủ định dùng chỗ góc ghế đập. Nhưng góc ghế lại làm một mảng da đầu sâu hoắm, con vợ hẳn ngã vật ra.*” (Lê Lựu, 1994). Vợ nhập viện, Núi phải vừa chăm con vừa bồi bổ cho cô vợ bị anh đánh đến đổ máu. Trớ trêu thay, trong khi Núi phải đi làm vất vả để kiếm tiền bồi bổ lại cho cô “béo đỏ phây phây” thì một lần nữa, cô bỏ cha con Núi mà đi. Lần này thì đi thực sự vì cô đã rành rang rồi: “*Người ta bảo ả đã lên ngồi trong cabin chiếc xe tải đi từ tám hoánh rồi*” (Lê Lựu, 1994). Mai cứ hết lần này tới lần khác đến rồi biến mất, khiến cuộc sống của Núi trở nên rối bời. Mọi thứ lại một lần nữa đổ vỡ, lại thất vọng, lại mất lòng tin, lại phải sống một mình với biết bao lo toan và bết tắc.

Trong lúc đau buồn vì vợ bỏ theo người đàn ông khác thì duyên số lại đưa đây Núi gặp lại Hồng, người bạn thân của Hiền lúc còn ở dưới quê. Cô có chồng nhưng chồng lại mất, giờ gặp lại

bạn cũ chẳng hiểu lí do gì đã khiến hai người lại đến với nhau trong khi vợ Núi chỉ vừa đi có vài ngày: “*Cô đã tỏ rõ mình là người chủ gia đình. Cô đưa hẳn đi mua vải may lại vỏ chăn, mua màn, gối, riđô, mắc áo, đưa tiền hẳn đi mua bộ quần áo mới,...*” (Lê Lựu, 1994). Sự đảm đang, dịu dàng đó của Hồng làm Núi chỉ biết ước ao và tưởng mình đang nằm mơ, vì mới đây mà anh lại có thêm một người vợ, một người phụ nữ khác xa người vợ vừa mới bỏ anh đi. Hồng vun vén cho căn nhà của cả hai, bày ra cách để kiến tiền và làm ăn rất khấm khá, khiến anh rất hạnh diện về cô.

Như vậy, trong tình yêu đôi lứa thì Núi là người không được may mắn và gặp nhiều trắc trở. Anh luôn khao khát một tình yêu chân thành, một mái ấm gia đình hạnh phúc nhưng cũng không được. Bởi tình yêu của Núi là thứ tình yêu ngang trái, chấp vá nên chẳng bao giờ duy trì được lâu, dù anh đã cố gắng hết sức.

### 3. KẾT LUẬN

Qua tiểu thuyết *Sóng ở đáy sông*, bằng cái nhìn đầy thấu cảm, nhà văn Lê Lựu phản ánh những bi kịch mà nhân vật phải trải qua trong cuộc sống gia đình và tình yêu đôi lứa. Tác phẩm toát lên giá trị nhân đạo và ý nghĩa nhân văn sâu sắc khi tác giả nhấn mạnh tầm quan trọng của gia đình đối với đời sống nhân cách và hạnh phúc của một con người. Những đứa con chỉ có thể nên người khi chúng nhận được tình yêu thương và sự giáo dục tốt từ cha mẹ. Bằng ngược lại, chúng có thể đi sai đường và trở nên tha hóa, thành

những kẻ bất lương. Còn tình cảm vợ chồng, nó không đơn giản chỉ là sự chung sống để có đôi, để không cô đơn mà nó là phải sự thấu hiểu và tôn trọng lẫn nhau. Con người ta sẽ tránh được những bi kịch cuộc đời nếu được sống trong những gia đình mà mọi người biết quan tâm và yêu thương nhau. Với ý nghĩa đó, Lê Lựu đã đóng góp cho nền văn học Việt Nam thêm một tác phẩm đặc sắc.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Văn Dương, Lê Đình Lục, Lê Hồng Vân, 2007. Giáo trình Mĩ học đại cương. Nxb. Giáo dục.
2. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi, 1997. Từ điển thuật ngữ văn học. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Trần Mạnh Hào, 2012. Nhà văn Lê Lựu đã bán linh hồn cho ai. [chieulang.com.vn](http://chieulang.com.vn), Truy cập ngày 05/3/2020.
4. Phạm Nhật Linh, 2008. Tiểu thuyết Lê Lựu khi nhân vật bật lại tác giả. [voca.cand.com.vn/doesong](http://voca.cand.com.vn/doesong), Truy cập ngày 15/4/2019.
5. Nguyễn Văn Long, Lã Nhâm Thìn, 2009. Văn học Việt Nam 1975 – Những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy. Nxb. Giáo dục.
6. Lê Lựu, 1994. *Sóng ở đáy sông*. Nxb. Hải Phòng.
7. Đỗ Hải Ninh, 2013. Tiểu thuyết Lê Lựu thời đổi mới. Tạp chí Văn nghệ Quân Đội. <http://vanghequandoi.com.vn>, Truy cập ngày 17/9/2019.
8. Nguyễn Bích Thu, 1996. Số phận của tiểu thuyết. Nxb. Tác phẩm mới.

## **TRAGEDY CHARACTERS IN LE LUU'S NOVEL *SONG O DAY SONG***

Phan Van Tien\*, Nguyen Thi Tuyet Nghi, La Thi My Hanh and Phan Mong Giup  
*Faculty of Linguistics and Literature, Tay Do University*  
(\*Email: phanvantien1984@gmail.com)

### **ABSTRACT**

*Tragedy is the conflict between beauty and evil, between human aspirations and irreversible, unfulfilled life. It is the spiritual torment that can not be liberated. Tragedy characters takes place in an extremely stressful situation where the character develops in a different direction. In the novel *Song o day song*, writer Le Luu describes the character with hardships, deprivations and losses in family life, a living life as well as the love of a couple that the character has to experience. It is a long story about the traumatic life of the Nui character, a man rich in the will to rise up but constantly encounter the contrary of human love and the bondage of customs, causing his life to fall into a standstill, stuck, tragic. Through a story rich in details, writer Le Luu has sent a message full of humanitarian spirit about the meaning of love and the role of the family in the formation of personality and the decision of human happiness.*

**Keywords:** *Song O Day Song* novel, tragedy characters